

# ÔN TẬP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM \_\_\_\_\_

## A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Hệ thống được những kiến thức cơ bản về văn học trung đại Việt Nam đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 11.

– Tự đánh giá được kiến thức về văn học trung đại và phương pháp ôn tập, từ đó rút ra kinh nghiệm để học tập tốt hơn phần văn học tiếp theo.

## B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

### I – NỘI DUNG

#### 1. Đặc điểm bài học

– Đây là bài ôn tập cả về kiến thức và phương pháp, vì vậy HS phải huy động vốn hiểu biết sâu rộng các vấn đề về văn học trung đại Việt Nam đã học ở lớp 10 và chủ yếu là ở lớp 11.

– Cần tập trung vào những kiến thức trọng tâm, cơ bản nhất, tránh chung chung, dàn trải trong ôn tập.

#### 2. Trọng tâm bài học

– Nội dung yêu nước và nhân đạo của văn học giai đoạn từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX và văn học nửa cuối thế kỉ XIX qua những tác phẩm và trích đoạn tác phẩm trong chương trình lớp 11. So với các giai đoạn văn học trước đã học ở lớp 10, nội dung yêu nước và nhân đạo trong hai giai đoạn văn học này có biểu hiện gì mới ?

Trên cơ sở cảm hứng chủ đạo của tác phẩm hoặc trích đoạn tác phẩm, có thể phân chia một cách tương đối thành hai nội dung :

+ Nội dung yêu nước qua các tác phẩm và đoạn trích : *Chạy giặc*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Nguyễn Đình Chiểu), *Xin lập khoa luật* (trích *Tế cấp bát điều* của Nguyễn Trường Tộ), *Bài ca phong cảnh Hương Sơn* (Chu Mạnh Trinh), *Câu cá mùa thu* (Nguyễn Khuyến), *Vịnh khoa thi Hương* (Trần Tế Xương).

+ Nội dung nhân đạo qua các tác phẩm và trích đoạn tác phẩm : *Tự tình* (bài II của Hồ Xuân Hương), đoạn trích *Lẽ ghét thương* (trích *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu), *Bài ca ngất ngưỡng* (Nguyễn Công Trứ), *Thương vợ* (Trần Tế Xương), *Khóc Dương Khuê* (Nguyễn Khuyến).

– Giá trị phản ánh hiện thực của đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh* (trích *Thuận kinh kí sự* của Lê Hữu Trác).

– Giá trị nội dung và nghệ thuật của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Phân tích tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*.

## II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 1. Phương pháp dạy học

– Hướng dẫn HS chuẩn bị ở nhà :

+ Trả lời những câu hỏi hướng dẫn ôn tập trong SGK.

+ Ghi lại những vấn đề chưa hiểu hoặc khó để GV giải đáp.

– Hướng dẫn HS ôn tập trên lớp :

+ Hình thức ôn tập : Cá nhân HS trình bày phần trả lời câu hỏi ôn tập trước lớp hoặc chia thành nhóm để trao đổi, thảo luận những nội dung ôn tập. Sau đó GV tổng kết, nhấn mạnh những kiến thức cơ bản, trọng tâm.

+ Gợi ý trả lời câu hỏi trong SGK : theo hai phần *Nội dung* và *Phương pháp*.

### 2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Ôn tập về nội dung kiến thức

#### *Câu 1*

Bên cạnh những nội dung yêu nước đã có trong các giai đoạn văn học trước, ở hai giai đoạn văn học này (từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX và nửa cuối thế kỉ XIX) xuất hiện những nội dung mới : ý thức về vai trò của hiền tài đối với đất nước (*Chiếu cầu hiền* của Ngô Thì Nhậm), tư tưởng canh tân đất nước (*Xin lập khoa luật* của Nguyễn Trường Tộ),... Chủ nghĩa yêu nước trong văn học nửa cuối thế kỉ XIX mang âm hưởng bi tráng qua các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

#### *Câu 2*

Có thể nói chủ nghĩa nhân đạo trong văn học giai đoạn từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX xuất hiện thành trào lưu bởi lẽ : những tác phẩm mang nội dung nhân đạo xuất hiện nhiều, xuất hiện liên tiếp với nhiều tác phẩm có giá trị lớn như *Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm*, thơ Hồ Xuân Hương,...

Những nội dung nhân đạo chủ yếu trong văn học giai đoạn từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX : thương cảm trước bi kịch và đồng cảm với khát vọng của con người ; khẳng định, đề cao tài năng, nhân phẩm ; lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo chà đạp lên con người ; đề cao truyền thống đạo lí, nhân nghĩa của dân tộc,...

Cảm hứng nhân đạo trong văn học giai đoạn này có những biểu hiện mới so với giai đoạn trước : hướng vào quyền sống của con người, nhất là con người trần thế (*Truyện Kiều*, thơ Hồ Xuân Hương) ; ý thức về cá nhân đậm nét hơn (quyền sống cá nhân, hạnh phúc cá nhân, tài năng cá nhân,... qua *Độc Tiểu Thanh kí* của Nguyễn Du, *Tự tình* (bài II) của Hồ Xuân Hương, *Bài ca ngất ngưỡng* của Nguyễn Công Trứ).

### **Câu 3**

*Thượng kinh kí sự* (Kí sự đến kinh đô) ghi lại việc tác giả lên kinh đô chữa bệnh cho thế tử Trịnh Cán và chúa Trịnh Sâm. Đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh* là bức tranh chân thực về cuộc sống nơi phủ chúa, được khắc hoạ ở hai phương diện : cuộc sống thâm nghiêm giàu sang, xa hoa và cuộc sống thiếu sinh khí.

- Trịnh phủ là nơi thâm nghiêm, đầy uy quyền. Uy quyền nơi phủ chúa thể hiện ở những tiếng quát tháo, truyền lệnh, những tiếng dạ ran, ở những con người oai vệ và những con người khúm núm, sợ sệt. Phủ chúa là một thế giới riêng biệt. Người vào phải qua rất nhiều cửa gác, mọi việc đều phải có quan truyền lệnh, chỉ dẫn. Thầy thuốc vào khám bệnh phải chờ, phải nín thở, khúm núm lạy tạ.

Phủ chúa là nơi cực kì giàu sang và hết sức xa hoa. Giàu sang từ nơi ở đến tiện nghi sinh hoạt. Xa hoa từ vật dụng đến đồ ăn thức uống...

- Cuộc sống nơi Trịnh phủ âm u, thiếu sinh khí. Sự thâm nghiêm kiểu mê cung càng làm tăng âm khí nơi phủ chúa. Âm khí bao trùm không gian, cảnh vật. Âm khí ngấm sâu vào hình hài, thể tạng con người. Vị chúa nhỏ Trịnh Cán cái gì cũng "quá" trong sự xa hoa nhưng lại thiếu một điều căn bản là sự sống, sức sống.

### **Câu 4**

Những giá trị về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu :

- Về nội dung, đề cao đạo lí nhân nghĩa qua *Truyện Lục Vân Tiên*, nội dung yêu nước qua *Ngũ Tiểu y thuật vấn đáp*, bài thơ *Chạy giặc* và nhất là qua *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*.

- Về nghệ thuật, chú ý hai nét riêng và cũng là đóng góp nổi bật của Nguyễn Đình Chiểu : tính chất đạo đức - trữ tình, màu sắc Nam Bộ qua ngôn ngữ, qua hình tượng nghệ thuật. Để làm sáng tỏ điều này, GV có thể phân tích một số dẫn chứng trích từ *Truyện Lục Vân Tiên*.

GV hướng dẫn HS nắm vững những kiến thức đã học về *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* và phân tích được vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người anh hùng nông dân - nghĩa sĩ trong bài văn tế này.

Trước Nguyễn Đình Chiểu, văn học dân tộc chưa có một hình tượng hoàn chỉnh về người anh hùng nông dân - nghĩa sĩ.

Hình tượng người anh hùng nông dân – nghĩa sĩ mang vẻ đẹp bi tráng bởi vì ở hình tượng này có sự kết hợp giữa yếu tố *bi* (đau thương) và yếu tố *tráng* (hào hùng, tráng lệ). Yếu tố *bi* được gợi lên qua đời sống lam lũ, vất vả, nỗi đau thương, mất mát của người nghĩa sĩ và tiếng khóc xót đau của người còn sống. Yếu tố *tráng* qua lòng căm thù giặc, lòng yêu nước, hành động quả cảm, anh hùng của nghĩa quân, sự ngợi ca công đức những người đã hi sinh vì quê hương, đất nước. Tiếng khóc trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là tiếng khóc đau thương mà lớn lao, cao cả.

b) Ôn tập về phương pháp

– Nhấn mạnh những đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam về tư duy nghệ thuật, quan niệm thẩm mỹ, bút pháp nghệ thuật. Hướng dẫn HS phân tích một số dẫn chứng để làm nổi bật lên những đặc điểm đó.

Ví dụ : Tư duy nghệ thuật thời trung đại nhiều khi theo kiểu mẫu đã thành công thức, bút pháp nghệ thuật thiên về ước lệ tượng trưng. Tuy nhiên, các tác giả tài năng một mặt tuân thủ theo tính quy phạm, mặt khác sáng tạo trong tính quy phạm. Có thể thấy điều này qua bài *Câu cá mùa thu* của Nguyễn Khuyến :

+ Thơ ca trung đại khi nói về mùa thu thường có các hình ảnh ước lệ như *thu thiên, thu thủy, thu hoa, thu điệp*,... Ở *Câu cá mùa thu* cũng có những yếu tố này : *thu thiên* ("Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt"), *thu thủy* ("Ao thu lạnh lẽo nước trong veo"), *thu điệp* ("Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo"), *ngư ông* ("Tựa gối buông cần lâu chẳng được").

+ Sáng tạo trong những quy phạm, ước lệ : Cảnh thu mang nét riêng của mùa thu đồng bằng Bắc Bộ. Chiếc ao làng với sóng hơi gợn, nước trong veo, lạnh lẽo. Lối vào nhà với ngõ trúc quanh co... Có thể tham khảo lời bình của Xuân Diệu : "Cả huyện Bình Lục là xứ đồng chiêm trũng kia mà. Nhiều ao cho nên ao nhỏ, ao nhỏ thì thuyền câu cũng theo đó mà bé tẻo teo, sóng biếc gợn rất nhẹ...". Đặt trong văn cảnh bài *Câu cá mùa thu*, vẫn *eo* gợi cảm giác không gian ngoại cảnh và tâm cảnh như tĩnh lặng, thu hẹp dần.

– Nắm vững đặc điểm thể loại khi tìm hiểu, phân tích tác phẩm.

Khi sáng tác, các tác giả trung đại thường tuân theo đặc điểm thể loại. Ví dụ bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu mang đầy đủ những đặc điểm cơ bản của thể loại văn tế : bố cục bốn phần (*lung khởi* : bàn luận chung về lẽ sống chết ; *thích thực* : kể công đức, phẩm hạnh, cuộc đời người đã khuất ; *ai vãn* : niềm thương tiếc đối với người đã chết ; *kết* : bày tỏ lòng thương tiếc và lời cầu nguyện của người đứng tế). Sử dụng từ hoặc cụm từ đã thành công thức khi mở đầu các phần của bài văn tế : mở đầu phần *lung khởi* thường bằng các từ *Thương ôi ! Hỡi ôi !*, mở đầu phần *thích thực* là cụm từ *Nhớ linh xưa*. Giọng điệu bài văn tế lâm li, thống thiết (sử dụng nhiều thán từ và những từ ngữ, hình ảnh có giá trị biểu cảm mạnh mẽ),...

### III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

**1. Kiểm tra trắc nghiệm :** một số vấn đề về tác giả, tác phẩm.

**2. Kiểm tra tự luận**

– Nội dung yêu nước và nội dung nhân đạo qua một số tác phẩm đã học trong chương trình văn học trung đại Việt Nam ở lớp 11.

– Phân tích một văn bản cụ thể.

### IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thanh Lê – Hoàng Hữu Yên – Phạm Luận, *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.

2. Nguyễn Đình Chiểu – *Về tác gia và tác phẩm*, Sđd.

3. Nguyễn Khuyến – *Về tác gia và tác phẩm*, Sđd.

4. Trần Đình Sử, *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.